

# KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

## QUYỂN XIII

### Phẩm 19: THÁNH HẠNH 3

Này thiện nam! Ta xem các hành đều là vô thường. Làm sao biết được? Vì do nhân duyên. Nếu có các pháp từ nhân duyên sinh ra thì biết là vô thường. Các ngoại đạo đó không có một pháp nào mà chẳng từ nhân duyên sinh. Này thiện nam! Phật tánh không sinh, không diệt, không đi, không lại, chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại, chẳng phải do tạo tác, chẳng phải không do tạo tác, chẳng phải tạo tác, chẳng phải tác giả, chẳng phải tướng, chẳng phải vô tướng, chẳng phải có danh, chẳng phải không danh, chẳng phải danh, chẳng phải sắc, chẳng phải dài, chẳng phải ngắn, chẳng phải sự thủ giữ của ấm, giới, nhập. Vậy nên gọi là thường. Này thiện nam! Phật tánh tức là Như Lai, Như Lai tức là pháp, pháp tức là thường. Này thiện nam! Thường tức là Như Lai, Như Lai tức là Tăng, Tăng tức là thường. Do nghĩa này nên pháp từ nhân duyên sinh chẳng gọi là thường. Các ngoại đạo này không có một pháp nào mà chẳng từ nhân duyên sinh. Này thiện nam! Những ngoại đạo này chẳng thấy Phật tánh, Như Lai và Pháp. Vậy nên lời nói của ngoại đạo này đều là nói dối, không có chân đế. Những người phàm phu trước thấy bình, quần áo, xe cộ, nhà cửa, thành quách, sông nước, núi rừng, nam nữ, voi ngựa, trâu dê v.v... rồi sau thấy tướng tự thì liền nói rằng thường. Phải biết thật ra những cái ấy chẳng phải là thường. Này thiện nam! Tất cả hữu vi đều là vô thường. Hư không thì vô vi, vậy nên là thường. Phật tánh thì vô vi, vậy nên là thường. Hư không tức là Phật tánh, Phật tánh tức là Như Lai, Như Lai tức là vô vi, vô vi tức là thường. Này thiện nam! Pháp hữu vi gồm có hai thứ là sắc

pháp và phi sắc pháp. Phi sắc pháp là tâm, tâm số pháp. Sắc pháp là đất, nước, gió, lửa. Đây thiện nam! Tâm gọi là vô thường. Vì sao? Vì tánh của nó vin vào duyên mà tương ứng, phân biệt. Đây thiện nam! Tánh nhãn thức khác cho đến tánh ý thức khác. Vậy nên vô thường. Đây thiện nam! Cảnh giới của sắc khác cho đến cảnh giới của pháp khác. Vậy nên vô thường. Đây thiện nam! Tương ứng của nhãn thức khác cho đến tương ứng của ý thức khác. Vậy nên vô thường. Đây thiện nam! Tâm nếu thường thì nhãn thức đáng lẽ duyên với tất cả các pháp. Đây thiện nam! Nếu nhãn thức khác cho đến ý thức khác thì biết là vô thường. Do pháp tương tự mà từng niệm, từng niệm sinh diệt nên người phàm phu thấy rồi cho đó là thường. Đây thiện nam! Các tướng nhân duyên có thể tan hoại nên cũng gọi là vô thường. Như là nhân mắt, nhân màu sắc, nhân ánh sáng, nhân suy nghĩ mà sinh ra nhãn thức. Khi nhãn thức sinh thì các nhân duyên đều khác, chẳng phải là nhân duyên của nhãn thức cho đến sự khác của ý thức cũng như vậy. Lại nữa, đây thiện nam! Nhân duyên của các hành hoại nên tâm gọi là vô thường. Như là tâm tu vô thường khác, tâm tu khổ, không, vô ngã khác. Tâm nếu thường thì nên dùng thường tu vô thường mà còn chẳng được dùng để quan sát khổ, không, vô ngã huống là lại được dùng để quan sát thường, lạc, ngã, tịnh. Do nghĩa này nên trong pháp của ngoại đạo chẳng thể thâm dụng thường, lạc, ngã, tịnh. Đây thiện nam! Ông phải biết, tâm pháp nhất định là vô thường. Lại nữa, đây thiện nam! Tâm tánh khác nên gọi là vô thường. Như là tâm tánh của Thanh văn khác, tâm tánh của Duyên giác khác, tâm tánh của chư Phật khác. Tâm của tất cả ngoại đạo có ba thứ: một là tâm xuất gia, hai là tâm tại gia, ba là tâm tại viễn ly. Tâm tương ứng với lạc khác, tâm tương ứng với khổ khác, tâm tương ứng với chẳng khổ chẳng lạc khác, tâm tương ứng với tham dục khác, tâm tương ứng với sân hận khác, tâm tương ứng với ngu si khác, tâm tương ứng với nghi hoặc khác, tâm tương ứng với tà kiến khác, oai nghi đi đứng tâm ấy cũng khác. Đây thiện nam! Tâm nếu thường thì cũng lại chẳng thể phân biệt các sắc như là màu xanh, vàng, đỏ, trắng, tím. Đây thiện nam! Nếu tâm thường thì các pháp nhớ nghĩ đáng lẽ chẳng quên mất. Đây thiện nam! Tâm nếu

thường thì sự đọc tụng đáng lẽ chẳng tăng trưởng. Lại nữa, này thiện nam! Tâm nếu thường thì chẳng nên nói rằng đã làm, đang làm và sẽ làm. Nếu có cái đã làm, đang làm và sẽ làm thì phải biết rằng là tâm nhất định vô thường. Này thiện nam! Tâm nếu thường thì không oán, không thân, chẳng phải oán, chẳng phải thân. Tâm nếu thường thì chẳng nên nói rằng, vật của ta hay vật của người khác, hoặc tử hay sinh. Tâm nếu thường thì tuy có sở tác nhưng chẳng nên tăng trưởng. Này thiện nam! Do nghĩa này nên phải biết tánh của tâm mỗi mỗi đều khác biệt, mà có khác biệt thì phải biết là vô thường. Này thiện nam! Ta nay ở trong pháp chẳng phải sắc này, diễn nói vô thường, nghĩa ấy đã rõ, lại phải vì ông nói sắc vô thường. Sắc này vô thường vốn không có sinh, vì sinh đã diệt. Khi phôi bào ở trong thai thì vốn không có sinh, vì sinh đã biến đổi. Bên ngoài, mầm chồi, thân cây vốn cũng không sinh, vì sinh đã biến đổi. Vậy phải biết tất cả sắc pháp đều vô thường. Này thiện nam! Cái sắc có bên trong tùy lúc mà biến đổi, khi thai bảy ngày khác, khi thai hai tháng bảy ngày khác, khi thai ba tháng bảy ngày khác, khi thai năm tháng bảy ngày khác, khi thành bào thai khác, khi mới sinh khác, khi con trẻ khác, khi đồng tử khác cho đến khi già, mỗi mỗi đều đổi khác. Cái sắc bên ngoài cũng như vậy, mầm chồi khác, thân khác, cành khác, lá khác, hoa khác, trái khác. Lại nữa, này thiện nam! Bào thai ở trong cũng khác, từ khi phôi bào cho đến già, mỗi mỗi đều biến đổi. Vị bên ngoài cũng vậy, mầm, thân, cành, lá, hoa, quả, vị đều khác. Khi phôi bào thì lực khác cho đến khi già thì lực cũng khác. Khi phôi bào thì hình dáng khác cho đến khi già thì hình dáng cũng khác. Khi phôi bào thì quả báo khác cho đến khi già thì quả báo cũng khác. Khi phôi bào thì tên gọi khác... cho đến khi già thì tên gọi cũng khác. Cái gọi là sắc bên trong hoại rồi thì trở lại hòa hợp nên biết là vô thường. Những cây cối bên ngoài cũng hoại rồi trở lại hợp, nên biết là vô thường. Theo thứ lớp mà sinh ra dần dần, nên biết là vô thường. Theo thứ lớp sinh ra, từ khi phôi bào cho đến khi già, theo thứ lớp sinh ra, từ mầm chồi cho đến trái, hạt. Vậy nên biết là vô thường. Các sắc có thể diệt, nên biết là vô thường. Khi phôi bào diệt khác cho đến khi già diệt khác, khi mầm chồi diệt khác cho đến khi

quả trái diệt khác. Vậy nên biết là vô thường. Kẻ phàm phu vô trí thấy tướng tự thì chấp cho là thường. Do nghĩa này nên gọi là vô thường, mà nếu vô thường thì tức là khổ, mà nếu là khổ thì tức là bất tịnh. Nay thiện nam! Ta nhân ông Ca-diếp trước hỏi việc này mà trả lời như thế.

Lại nữa, này thiện nam! Các hành vô ngã. Nay thiện nam! Tóm lại, tất cả các pháp gọi là sắc chẳng phải sắc, sắc chẳng phải ngã. Vì sao? Vì sắc có thể phá, có thể hoại, có thể xé, có thể bẻ, có sinh ra, có tăng trưởng, còn ngã thì chẳng thể phá, hoại, xé, bẻ và sinh trưởng. Do nghĩa này nên biết sắc chẳng phải ngã. Pháp chẳng phải sắc cũng lại chẳng phải ngã. Vì sao? Vì nhân duyên. Nay thiện nam! Nếu các ngoại đạo do chuyên niệm nên biết có ngã thì tánh của chuyên niệm thật chẳng phải là ngã. Nếu dùng chuyên niệm làm tánh của ngã thì việc của quá khứ có quên mất, mà có quên mất nên nhất định biết là vô ngã. Nay thiện nam! Nếu các ngoại đạo do tưởng nhớ nên biết có ngã thì không nhớ tưởng nên nhất định biết là vô ngã. Như nói, thấy người tay có sáu ngón liền hỏi, ta trước gặp nhau ở đây vậy? Nếu có ngã thì chẳng nên hỏi, mà đã hỏi nhau nên nhất định biết là vô ngã. Nay thiện nam! Nếu các ngoại đạo do có chướng ngại nên biết có ngã thì Nay thiện nam! Do có chướng ngại nên nhất định biết là vô ngã. Như nói, Điều-đạt nhất định chẳng nói rằng chẳng phải Điều-đạt. Ngã cũng như vậy, nếu nhất định là ngã thì nhất định chẳng chướng ngại ngã. Do chướng ngại ngã nên nhất định biết là vô ngã. Nếu do chướng ngại nên biết có ngã thì ông hôm nay chẳng chướng ngại nên nhất định vô ngã. Nay thiện nam! Nếu các ngoại đạo cho là bạn chẳng phải bạn nên biết có ngã thì do không bạn đáng lẽ không có ngã. Có pháp không bạn, như là Như Lai, hư không, Phật tánh. Ngã cũng như vậy, thật không có bạn. Do nghĩa này nên nhất định biết là vô ngã. Lại nữa, này thiện nam! Nếu các ngoại đạo cho là do tên gọi nên biết có ngã thì trong pháp vô ngã cũng có tên của ngã, như người nghèo hèn có tên gọi là Giàu Sang. Như nói rằng, tôi chết. Nếu tôi chết thì tôi giết tôi, mà thật ra tôi chẳng thể giết tôi, giả gọi giết tôi, cũng như người thấp mà tên là Cao. Do nghĩa này nên nhất định biết là vô ngã. Lại nữa, này thiện

nam! Nếu các ngoại đạo cho là vì khi sinh đòi bú nên biết là có ngã, thì này thiện nam, nếu có ngã thì tất cả trẻ con chẳng nên bốc lấy phân bần, lửa, rấn, thuốc độc. Do nghĩa này nên nhất định biết là vô ngã. Lại nữa, này thiện nam! Tất cả chúng sinh đối với ba pháp đều có sự hiểu biết như nhau, đó là dâm dục, ăn uống, sợ hãi. Vậy nên có ngã. Lại nữa, này thiện nam! Nếu các ngoại đạo cho là do tướng mạo nên biết có ngã thì này thiện nam! Vì có tướng mạo nên vô ngã mà vô tướng nên cũng vô ngã. Như khi người ngủ, chẳng thể tiến, dừng, cúi, ngửa, nhìn ngó, chẳng biết khổ, vui thì lẽ ra chẳng có ngã. Nếu do tiến, dừng, cúi, ngửa, nhìn ngó mà biết có ngã thì người gõ máy lẽ ra cũng có ngã. Này thiện nam! Như Lai cũng vậy, chẳng tiến, chẳng dừng, chẳng cúi, chẳng ngửa, chẳng nhìn, chẳng ngó, chẳng khổ, chẳng vui, chẳng tham, chẳng sân, chẳng si, chẳng hành. Như Lai như vậy là chân thật có ngã. Lại nữa, này thiện nam! Nếu các ngoại đạo cho là do thấy người khác ăn trái cây mà trong miệng chảy nước miếng nên biết là có ngã. Này thiện nam! Do nhớ nghĩ nên thấy thì chảy nước miếng, mà nước miếng chẳng phải là ngã, ngã cũng chẳng phải nước miếng, chẳng phải vui, chẳng phải buồn, chẳng phải cười, chẳng phải khóc, chẳng phải nằm, chẳng phải dậy, chẳng phải đói, chẳng phải no. Do nghĩa này nên nhất định biết là vô ngã. Này thiện nam! Những ngoại đạo này si dại như đứa trẻ con không phương tiện, trí tuệ, chẳng thể thông đạt thường cùng vô thường, khổ – lạc, tịnh – bất tịnh, ngã – vô ngã, thọ mạng – chẳng phải thọ mạng, chúng sinh – chẳng phải chúng sinh, thật – chẳng phải thật, có – chẳng phải có. Ở trong pháp Phật, họ lấy được chút ít nên hư vọng chấp là có thường, lạc, ngã, tịnh mà thật chẳng biết thường, lạc, ngã, tịnh. Như người mù bầm sinh chẳng biết màu của sữa liền hỏi người khác: “Màu sữa giống màu gì?”. Người khác đáp: “Màu trắng như vỏ sò”. Người mù lại hỏi: “Màu sữa này như tiếng vỏ sò sao?”. Đáp: “Chẳng phải vậy”. Lại hỏi: “Màu vỏ sò giống cái gì?”. Đáp: “Giống như hạt gạo lúa nước”. Người mù lại hỏi: “Màu sữa mềm mại như hạt gạo lúa nước sao? Hạt gạo lúa nước thì lại tương tự cái gì?”. Đáp: “Giống như mưa tuyết”. Người mù lại nói: “Hạt gạo lúa nước kia lạnh như tuyết sao? Tuyết lại tương tự cái

gì?”. Đáp: “Giống như con hạc trắng”. Người mù bấm sinh tuy nghe bốn thứ ví dụ như vậy nhưng nhất định chẳng thể biết được màu sắc chân thật của sữa. Những ngoại đạo này cũng như vậy, nhất định chẳng thể nhận thức được thường, lạc, ngã, tịnh. Đây thiện nam! Do nghĩa này nên ngã, trong pháp Phật, có chân đế chứ chẳng phải ở trong ngoại đạo.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Hy hữu thay! Bạch Thế Tôn! Như Lai đến hôm nay sắp Bát-niết-bàn mới lại chuyển pháp luân vô thượng, mới phân biệt chân đế như vậy.

Đức Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Ông nay sao lại còn đối với Như Lai sinh tưởng Niết-bàn? Đây thiện nam! Như Lai chân thật là thường trụ bất biến, chẳng Bát-niết-bàn. Đây thiện nam! Nếu có người cho Ta là Phật, Ta thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Ta tức là Pháp, Pháp là của Ta, Ta tức là Đạo, Đạo là của Ta, Ta tức là Thế Tôn, Thế Tôn là của Ta, Ta tức là Thanh văn, Thanh văn là của Ta, Ta có thể nói pháp khiến cho người khác nghe thọ, Ta chuyển pháp luân còn người khác chẳng thể chuyển v.v... thì Như Lai nhất định chẳng chấp như vậy. Vậy nên Như Lai chẳng chuyển pháp luân. Đây thiện nam! Hoặc có người vọng chấp như vậy: “Ta tức là mắt, mắt là của ta; tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng như vậy. Ta tức là sắc, sắc là của ta cho đến pháp cũng như vậy. Ta tức là đất, đất là của ta; nước, lửa, gió cũng như vậy. Đây thiện nam! Hoặc có người nói, ta tức là tín, tín là của ta; ta là đa văn, đa văn là của ta; ta là Thí Ba-la-mật, Thí Ba-la-mật là của ta; ta là Giới Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật là của ta; ta là Nhẫn Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật là của ta; ta là Tinh tấn Ba-la-mật, Tinh tấn Ba-la-mật là của ta; ta là Thiền Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật là của ta; ta là Bát nhã Ba-la-mật, Bát nhã Ba-la-mật là của ta; ta là Bốn niệm xứ, Bốn niệm xứ là của ta; Bốn chánh cần, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực, Bảy giác chi, tám thánh đạo cũng như vậy. Đây thiện nam! Như Lai nhất định chẳng chấp như vậy. Vậy nên Như Lai chẳng chuyển pháp luân. Đây thiện nam! Nếu nói, thường trụ không có

biến dịch thì sao nói rằng, Phật chuyển pháp luân? Vậy ông chẳng nên nói rằng, Như Lai theo phương tiện chuyển pháp luân vô thượng. Đây thiện nam! Ví như mắt nhân duyên với sắc, duyên với ánh sáng, duyên với tư duy rồi nhân duyên hòa hợp mà sinh ra nhãn thức. Đây thiện nam! Mắt chẳng nghĩ rằng, ta có thể sinh ra thức. Sắc cho đến tư duy nhất định chẳng nghĩ rằng, ta sinh ra nhãn thức. Nhãn thức cũng chẳng nghĩ rằng, ta có thể tự sinh ra. Đây thiện nam! Những pháp như vậy do nhân duyên hòa hợp được gọi là thấy. Đây thiện nam! Như Lai cũng vậy, nhờ sáu Ba-la-mật, Ba mươi bảy pháp trợ đạo Bồ-đề hiểu biết rõ các pháp, lại nhờ yết hầu, lưỡi, răng, môi, miệng, lời nói, âm thanh để vì ông Kiều-trần-như nói pháp đầu tiên, gọi là chuyển pháp luân. Do nghĩa này nên Như Lai chẳng gọi là chuyển pháp luân. Đây thiện nam! Nếu chẳng chuyển thì gọi là Pháp, mà Pháp tức là Như Lai. Đây thiện nam! Ví như nhân đồ lấy lửa, nhân cái dùi, nhân tay, nhân phân bò khô mà sinh ra được lửa, đồ lấy lửa cũng chẳng nói rằng, mình có thể sinh ra lửa. Cái dùi, tay, phân bò khô đều chẳng nghĩ rằng, mình có thể sinh ra lửa. Lửa cũng chẳng nói rằng, mình có thể tự sinh ra. Như Lai cũng vậy, nhân sáu pháp Ba-la-mật cho đến Kiều-trần-như thì gọi là chuyển pháp luân. Như Lai cũng lại chẳng sinh ý nghĩ rằng, Ta chuyển pháp luân. Đây thiện nam! Nếu chẳng sinh ý nghĩ đó thì gọi là chuyển chánh pháp luân. Chuyển pháp luân này tức là Như Lai. Đây thiện nam! Ví như nhân kem sữa, nhân nước, nhân khuấy đảo, nhân bình, nhân sợi dây, nhân tay người nắm lấy mà được có ra bơ sữa, mà kem sữa cũng chẳng nói rằng, mình có thể tự có ra. Cho đến tay của người cũng chẳng có thể nghĩ rằng mình có thể sinh ra bơ sữa. Bơ sữa cũng chẳng nói rằng mình có thể tự sinh. Do mọi duyên hòa hợp nên được có bơ sữa. Như Lai cũng vậy, nhất định chẳng nghĩ rằng, mình chuyển pháp luân. Đây thiện nam! Nếu chẳng khởi ý nghĩ ấy thì gọi là chuyển chánh pháp luân. Chuyển pháp luân này tức là Như Lai. Đây thiện nam! Ví như nhân hạt giống, nhân đất, nhân nước, nhân lửa, nhân gió, nhân phân, nhân thời tiết, nhân con người làm việc mà mầm được sinh ra, mà hạt giống cũng chẳng nghĩ rằng, mình có thể sinh ra mầm. Mầm cũng chẳng nghĩ rằng, mình có thể tự sinh ra. Như

Lai cũng vậy, nhất định chẳng nghĩ rằng, mình chuyển pháp luân. Này thiện nam! Nếu chẳng khởi ý nghĩ ấy thì gọi là chuyển chánh pháp luân. Chuyển pháp luân này tức là Như Lai. Này thiện nam! Ví như nhân cái trống, nhân hư không, nhân da, nhân con người, nhân dùi trống hòa hợp phát ra tiếng, mà trống chẳng nghĩ rằng, mình có thể phát ra tiếng cho đến cái dùi trống cũng như vậy. Tiếng cũng chẳng nghĩ rằng, ta có thể tự sinh ra. Này thiện nam! Như Lai cũng vậy, nhất định chẳng nghĩ rằng, mình chuyển pháp luân. Này thiện nam! Chuyển pháp luân thì gọi là chẳng làm, mà chẳng làm thì tức là chuyển pháp luân. Chuyển pháp luân tức là Như Lai. Này thiện nam! Chuyển pháp luân thì mới là cảnh giới của chư Phật Thế Tôn, chẳng phải là sự hiểu biết của các Thanh văn, Duyên giác. Này thiện nam! Hư không chẳng phải sinh, chẳng phải xuất, chẳng phải tác, chẳng phải tạo, chẳng phải pháp hữu vi. Như Lai cũng vậy, chẳng phải sinh, chẳng phải xuất, chẳng phải tác, chẳng phải tạo, chẳng phải pháp hữu vi. Như Như Lai tánh, Phật tánh cũng vậy, chẳng phải sinh, chẳng phải xuất, chẳng phải tác, chẳng phải tạo, chẳng phải pháp hữu vi. Này thiện nam! Lời nói của chư Phật Thế Tôn có hai thứ, một là lời nói thế gian, hai là lời nói xuất thế gian. Này thiện nam! Như Lai vì những Thanh văn, Duyên giác nói ra lời nói thế gian, vì các Bồ-tát nói lời xuất thế gian. Này thiện nam! Những đại chúng này lại có hai hạng, một là hạng cầu Tiểu thừa, hai là hạng cầu Đại thừa. Ta ngày trước, ở thành Ba-la-nại vì các Thanh văn chuyển pháp luân. Hôm nay, bắt đầu ở thành Câu-thi-na này ta vì các Bồ-tát chuyển đại pháp luân. Lại nữa, này thiện nam! Lại có hai hạng người là người trung căn và người thượng căn. Ta vì người trung căn ở thành Ba-la-nại chuyển pháp luân. Ta vì người thượng căn, hạng vương tước trong loài người, như Bồ-tát Ca-diếp v.v... nay ở thành Câu-thi-na chuyển đại pháp luân. Này thiện nam! Kẻ hạ căn cùng cực thì Như Lai nhất định chẳng vì họ mà chuyển pháp luân. Người hạ căn cùng cực tức là Nhất-xiển-đề. Lại nữa, này thiện nam! Người cầu Phật đạo lại có hai hạng, một là hạng trung tinh tấn, hai là hạng thượng tinh tấn. Ở thành Ba-la-nại, Ta vì hạng trung tinh tấn mà chuyển pháp luân. Hôm nay ở thành Câu-thi-na này, Ta vì hạng



thượng tinh tấn mà chuyển đại pháp luân. Lại nữa, này thiện nam! Ngày trước, ở thành Ba-la-nại kia, lần đầu tiên Ta chuyển pháp luân thì tám vạn trời, người được quả Tu-đà-hoàn. Hôm nay, ở thành Câu-thi-na này, có tới tám mươi vạn ức người chẳng thoái chuyển đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại nữa, này thiện nam! Ở thành Ba-la-nại vua trời Đại Phạm cúi đầu thỉnh Ta chuyển pháp luân. Hôm nay, ở thành Câu-thi-na này, Bồ-tát Ca-diếp cúi đầu thỉnh Ta chuyển đại pháp luân. Lại nữa, này thiện nam! Thuở trước, ở thành Ba-la-nại kia, khi Ta chuyển pháp luân thì nói về vô thường, khổ, không, vô ngã. Hôm nay, ở thành Câu-thi-na này, khi Ta chuyển pháp luân thì nói về thường, lạc, ngã, tịnh.

Lại nữa, này thiện nam! Thuở trước, ở thành Ba-la-nại kia, khi Ta chuyển pháp luân thì âm thanh phát ra vang đến cõi trời Đại Phạm. Hôm nay, ở thành Câu-thi-na này, khi Như Lai chuyển pháp luân thì âm thanh phát ra vang khắp cùng thế giới chư Phật nhiều bằng hai mươi lần cát sông Hằng ở phương Đông; phương Nam, phương Tây, phương Bắc, bốn phương bàng, phương trên, phương dưới cũng như vậy. Lại nữa, này thiện nam! Chư Phật Thế Tôn phàm có nói ra điều gì đều gọi là chuyển pháp luân. Này thiện nam! Ví như Thánh vương có bánh xe báu thì có thể hàng phục người chưa hàng phục, kẻ đã hàng phục thì có thể khiến cho yên ổn. Này thiện nam! Chư Phật Thế Tôn đã nói pháp thì cũng giống như vậy, người có vô lượng phiền não chưa điều phục thì có thể khiến cho điều phục, người đã điều phục thì khiến sinh thiện căn. Này thiện nam! Ví như Thánh vương có bánh xe báu thì có thể tiêu diệt tất cả oán tặc. Như Lai diễn pháp cũng như vậy, có thể khiến cho tất cả giặc phiền não đều tịch tịnh hết. Lại nữa, này thiện nam! Ví như Thánh vương có bánh xe báu vận chuyển lên xuống. Như Lai nói pháp cũng như vậy, có thể khiến cho những chúng sinh ác ở cõi dưới sinh lên cõi người, trời cho đến Phật đạo. Này thiện nam! Vậy ông chẳng nên khen, Như Lai ở đây lại chuyển pháp luân.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con đối với nghĩa này chẳng phải là chẳng biết. Sở dĩ con hỏi là muốn tào lợi ích cho các chúng sinh. Thưa Thế

Tôn! Con từ lâu đã biết, chuyển pháp luân quả thật là cảnh giới của chư Phật Thế Tôn, hàng Thanh văn, Duyên giác chẳng theo kịp.

Lúc này, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Này thiện nam! Đó gọi là việc làm Thánh hạnh của Bồ-tát trụ ở kinh Đại Niết-bàn Đại Thừa.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Lại do ý nghĩa gì nên gọi là Thánh hạnh?

–Này thiện nam! Thánh là gọi chư Phật Thế Tôn. Do nghĩa này nên gọi là Thánh hạnh.

–Thưa Thế Tôn! Nếu là sở hành của các Đức Phật thì chẳng phải là hạnh có thể tu hành của hàng Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát.

–Này thiện nam! Chư Phật Thế Tôn đó an trụ ở Đại Bát Niết Bàn này mà làm như vậy là để khai thị, phân biệt, diễn nói nghĩa ấy. Do nghĩa này nên gọi là Thánh hạnh. Hàng Thanh văn, Duyên giác và Bồ-tát nghe như vậy rồi có thể phụng hành nên gọi là Thánh hạnh. Này thiện nam! Đại Bồ-tát này được hạnh đó rồi thì trụ ở địa không sợ hãi. Này thiện nam! Nếu có Bồ-tát trụ ở địa không sợ hãi như vậy thì chẳng còn sợ tham dục, sân hận, ngu si, già, bệnh, chết nữa, cũng lại chẳng sợ những đường ác, địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Này thiện nam! Ác có hai thứ, một là A-tu-la, hai là trong loài người. Trong loài người có ba loại ác, một là Nhất-xiển-đề, hai là bài báng kinh điển Phương Đẳng, ba là phạm bốn trọng cấm. Này thiện nam! Trụ ở trong địa này, các Bồ-tát v.v... nhất định chẳng sợ rơi vào trong những đường ác như vậy; cũng lại chẳng sợ Sa-môn, Bà-la-môn, ngoại đạo tà kiến, ma Ba-tuần, cũng lại chẳng sợ sinh ở hai mươi lăm cõi. Vậy nên địa này gọi là không sợ hãi. Này thiện nam! Đại Bồ-tát trụ ở địa không sợ hãi được hai mươi lăm Tam-muội làm hoại hai mươi lăm cõi. Này thiện nam! Các Bồ-tát ấy được Tam-muội Vô cấu có thể hoại cõi Địa ngục, được Tam-muội Vô thoái có thể hoại cõi Súc sinh, được Tam-muội Tâm lạc có thể hoại cõi Ngạ quỷ, được Tam-muội Hoan hỷ có thể hoại cõi A-tu-la, được Tam-muội Nhật quang có thể đoạn cõi Phất-bà-đề, được Tam-muội Nguyệt quang có

thể đoạn cõi Cù-đà-ni, được Tam-muội Nhiệt viêm có thể đoạn cõi Uất-đan-việt, được Tam-muội Như huyễn có thể đoạn cõi Diêm-phù-đề, được Tam-muội Nhất thiết pháp bất động có thể đoạn cõi Tứ Thiên Xứ, được Tam-muội Nan phục có thể đoạn cõi trời Tam Thập Tam, được Tam-muội Duyệt ý có thể đoạn cõi trời Diệm Ma, được Tam-muội Thanh sắc có thể đoạn cõi trời Đâu Suất suất, được Tam-muội Hoàng sắc có thể đoạn cõi trời Hóa Lạc, được Tam-muội Xích sắc có thể đoạn cõi trời Tha Hóa Tự Tại, được Tam-muội Bạch sắc có thể đoạn cõi Sơ Thiên, được Tam-muội Chủng chủng có thể đoạn cõi Phạm Thiên Vương, được Tam-muội Song có thể đoạn cõi Nhị Thiên, được Tam-muội Lôi âm có thể đoạn cõi Tam Thiên, được Tam-muội Chú vũ có thể đoạn cõi Tứ Thiên, được Tam-muội Như hư không có thể đoạn cõi Vô Tướng, được Tam-muội Chiếu cảnh có thể đoạn cõi Tịnh Cư A Na Hàm, được Tam-muội Vô ngại có thể đoạn cõi Không Xứ, được Tam-muội Thường có thể đoạn cõi Thức Xứ, được Tam-muội Lạc có thể đoạn cõi Bất Dụng Xứ, được Tam-muội Ngã có thể đoạn cõi Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ. Đây thiện nam! Đó gọi là Bồ-tát được hai mươi lăm Tam-muội đoạn trừ hai mươi lăm cõi. Đây thiện nam! Hai mươi lăm Tam-muội như vậy gọi là những vua Tam-muội. Đây thiện nam! Đại Bồ-tát nhập vào những vua Tam-muội như vậy, nếu muốn thổi tan núi Tu-di thì có thể theo ý mình, muốn biết ý nghĩ trong lòng của những chúng sinh của ba ngàn đại thiên thế giới cũng có thể biết hết, muốn đem số chúng sinh của ba ngàn đại thiên thế giới để vào trong một lỗ chân lông của thân mình thì có thể theo ý mình mà cũng khiến cho chúng sinh không có cảm tưởng bị dồn ép, muốn hóa làm vô lượng chúng sinh khiến cho đầy ấp trong ba ngàn đại thiên thế giới thì cũng có thể làm theo ý mình, có thể phân chia một thân ra làm nhiều thân, rồi lại hợp nhiều thân làm một thân. Bồ-tát tuy làm như vậy nhưng lòng không có sự chấp trước giống như hoa sen. Đây thiện nam! Đại Bồ-tát được nhập vào những vua Tam-muội như vậy rồi liền được trụ ở địa Tự tại. Bồ-tát trụ ở địa Tự tại này được sức tự tại, tùy theo chỗ muốn sinh liền được vãng sinh. Đây thiện nam! Ví như vị Thánh vương thống lãnh bốn cõi thiên hạ, đi đâu tùy ý không có chướng ngại. Đại

Bồ-tát cũng như vậy, tất cả chỗ nào nếu muốn sinh thì theo ý vãng sinh. Nay thiện nam! Đại Bồ-tát nếu thấy tất cả chúng sinh của địa ngục có thể giáo hóa khiến cho trụ ở thiện căn thì Bồ-tát liền vãng sinh vào trong ấy. Bồ-tát tuy sinh nhưng chẳng phải do nghiệp quả xưa mà do nhân duyên lực trụ địa Tự tại của Đại Bồ-tát nên sinh ra trong địa ngục ấy. Nay thiện nam! Đại Bồ-tát tuy ở tại địa ngục nhưng chẳng chịu những khổ như thân rọc cháy, tan nát v.v... Nay thiện nam! Đại Bồ-tát đã thành tựu công đức vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức như vậy còn chẳng thể kể xiết, huống gì là công đức của chư Phật mà có thể nói được!

Bấy giờ, trong chúng có một vị Bồ-tát tên là Vô Cấu Tạng Vương, có đại oai đức, thành tựu thần thông, được Tam-muội Đại tổng trì đầy đủ, được vô sở úy, liền đứng dậy, trích áo vai phải, gối phải đặt xuống đất, quỳ thẳng, chấp tay bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật nói, công đức, trí tuệ mà chư Phật, Bồ-tát đã thành tựu vô lượng vô biên, trăm ngàn vạn ức thật chẳng thể kể xiết, nhưng theo ý con vẫn cho là chẳng bằng kinh điển Đại Thừa này. Vì sao? Vì nhân vào sức của kinh Đại Thừa Phương Đẳng này có thể sinh quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của chư Phật Thế Tôn.

Đức Phật khen:

–Hay thay! Hay thay! Nay thiện nam! Đúng vậy! Đúng vậy! Đúng như lời ông nói! Kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng tuy thành tựu vô lượng công đức nhưng muốn sánh kinh này bằng thí dụ thì chẳng được, dù được nhân lên trăm lần, ngàn lần, trăm ngàn vạn ức lần cho đến thí dụ tính toán thì cũng chẳng thể bì kịp. Nay thiện nam! Ví như từ bò cho ra sữa, từ sữa ra váng sữa, từ váng sữa ra kem sữa, từ kem sữa ra bơ, từ bơ sữa ra đề hồ. Đề hồ là tối thượng, nếu có người uống thì mọi bệnh đều tiêu trừ, các thuốc đều sẵn có trong đề hồ ấy. Nay thiện nam! Phật cũng như vậy, từ Phật sinh ra mười hai bộ loại kinh điển, từ mười hai bộ loại kinh điển sinh ra Tu-đa-la, từ Tu-đa-la sinh ra kinh Phương Đẳng, từ kinh Phương Đẳng sinh ra Bát nhã Ba-la-mật, từ Bát nhã Ba-la-mật sinh ra Đại Niết-bàn, giống

như đề hồ. Đề hồ là dụ cho Phật tánh mà Phật tánh tức là Như Lai. Này thiện nam! Do nghĩa này nên nói rằng, công đức của Như Lai nhiều vô lượng vô biên chẳng thể kể xiết.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật khen, kinh Đại Niết-bàn giống như đề hồ tối thượng vi diệu. Nếu có người được uống thì mọi bệnh đều tiêu trừ, tất cả các thuốc đều có trong ấy. Con nghe thế rồi lại trộm suy nghĩ, nếu có người chẳng thể nghe thọ kinh này thì phải biết rằng, người này là kẻ đại ngu si, không có tâm thiện. Thưa Thế Tôn! Hôm nay con thật có thể chịu lột da làm giấy, chích máu làm mực, dùng tủy làm nước, bẻ xương làm bút để ghi chép kinh Đại Niết-bàn này, chép rồi đọc tụng cho thông suốt. Rồi sau đó vì người khác mà diễn nói rộng rãi nghĩa của kinh ấy. Bạch Thế Tôn! Nếu có chúng sinh tham đắm của cải thì con sẽ cho của cải, rồi sau đó dùng kinh Đại Niết-bàn này khuyên họ đọc tụng. Nếu người tôn quý thì con trước dùng lời ái ngữ, thuận theo ý của họ, rồi sau đó sẽ dần dần đem kinh Đại Niết-bàn Đại Thừa này khuyên họ đọc tụng. Nếu là hạng dân dã thì con sẽ dùng uy thế ép họ đọc tụng. Nếu là người kiêu mạn thì con sẽ vì người ấy mà làm kẻ sai khiến, thuận theo ý họ khiến cho họ hoan hỷ, rồi sau đó sẽ đem kinh Đại Niết-bàn Đại Thừa này dạy bảo, dẫn đường cho họ. Nếu có người bài bác kinh điển Đại Thừa thì con sẽ dùng thế lực đánh đố khiến cho họ phục tùng. Họ đã hàng phục rồi sau đó con khuyên đọc tụng kinh Đại Niết-bàn. Nếu người ưa thích kinh Đại Thừa thì đích thân con sẽ đến cung kính, cúng dường, tôn trọng, khen ngợi.

Bấy giờ, Đức Phật khen Bồ-tát Ca-diếp:

–Hay thay! Hay thay! Ông rất yêu mến kinh điển Đại Thừa, ham thích kinh điển Đại Thừa, thọ trì kinh điển Đại Thừa, nếm vị kinh điển Đại Thừa, tin, kính, tôn trọng, cúng dường kinh điển Đại Thừa. Này thiện nam! Ông nay do nhân duyên tâm thiện này nên sẽ được siêu việt vô lượng vô biên những Đại Bồ-tát nhiều như cát sông Hằng, được thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác trước họ. Ông cũng chẳng bao lâu lại sẽ như Ta, vì đại chúng diễn nói

rộng rãi về Đại Bát Niết Bàn, Như Lai, Phật tánh, tạng bí mật của chư Phật đã dạy như vậy.

Này thiện nam! Đời quá khứ, khi mặt trời Phật chưa xuất hiện, Ta vào lúc đó làm Sa-môn, tu hạnh Bồ-tát, có thể thông đạt hết tất cả kinh luận của ngoại đạo, tu hạnh tịch diệt, đầy đủ oai nghi, tâm ý thanh tịnh, chẳng bị dục tưởng ngoại lai phát sinh phá hoại, diệt lửa sân hận, thọ trì pháp thường, lạc, ngã, tịnh, tìm cầu kinh điển Đại Thừa cùng khắp mà thậm chí chẳng nghe đến tên gọi Phương Đăng. Vào lúc ấy, Ta trụ ở núi Tuyết, núi ấy thanh tịnh với suối chảy, ao tắm, cây rừng, được thảo tràn đầy, nơi nơi xen với đá có dòng nước trong với nhiều loài hoa thơm tô điểm cùng khắp và nhiều loài chim chẳng thể kể xiết, quả ngọt nhiều thứ khó phân biệt kể ra. Nơi ấy lại có vô lượng ngó sen, rễ ngọt, rễ thanh mộc hương. Lúc đó, ta một mình ở trong ấy, chỉ ăn các loại trái cây, ăn rồi chuyên tâm tư duy tọa thiền trải qua vô lượng năm cũng chẳng nghe có Như Lai ra đời và tên kinh Đại Thừa. Này thiện nam! Khi Ta tu hạnh khổ như vậy thì Thích-đề-hoàn-nhân, các trời, người v.v... lòng rất kinh ngạc quá lạ, liền gọi nhau tụ họp rồi nói kệ:

*Cùng chỉ cho nhau thấy  
Trong núi Tuyết thanh tịnh  
Chúa tịch tĩnh là dục  
Vua công đức trang nghiêm  
Đã lừa tham, sân, mạn  
Dứt hẳn siểm, ngu si  
Chưa một lần nói ra  
Các lời nói thô ác.*

Bấy giờ, trong chúng có một Thiên tử tên là Hoan Hỷ lại nói kệ:

*Người lừa dục như vậy  
Thanh tịnh siêng tinh tấn  
Sẽ chẳng cầu Đế thích  
Và quả vị chư Thiên  
Người cầu đạo như vậy*

*Tu hành các hạnh khổ  
 Người này mong cầu nhiều  
 Chỗ ngồi của Đế Thích.*

Lúc này, lại có một vị Tiên Thiên tử liền vì Đế Thích mà nói kệ:

*Kiều-thi-ca thiên chúa  
 Chẳng nên sinh lo ngại  
 Ngoại đạo tu khổ hạnh  
 Hà tất cầu vương vị.*

Nói kệ này rồi, ông lại nói: “Này Kiêu-thi-ca! Ở đời có bậc Đại sĩ vì chúng sinh nên chẳng tham thân mình, vì muốn tạo lợi ích cho các chúng sinh nên tu đủ thứ khổ hạnh không lường. Người như vậy đã thấy những tội lỗi trong sinh tử nên giả sử có thấy châu báu đầy trong đất đai, núi rừng, biển cả này cũng chẳng sinh lòng tham đắm, trái lại như nhìn thấy bãi nước bọt. Bậc Đại sĩ như thế xả bỏ của báu, sự yêu thương vợ con, đầu mắt, não tủy, tay chân, chi tiết, chỗ ở, nhà cửa, voi ngựa, xe cộ, nô tỳ, đồng bộc cũng chẳng nguyện cầu sinh lên cõi trời mà chỉ cầu cho tất cả chúng sinh được thọ hưởng an vui. Đúng như sự lý giải của tôi, Đại sĩ như thế thanh tịnh không nhiễm ô, hết hẳn mọi kiết sử, chỉ muốn cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”. Thích-đề-hoàn-nhân lại nói: “Như lời ông nói thì người này là người giáo hóa tất cả chúng sinh của thế gian. Này Đại Tiên! Nếu thế gian này có cây Phật thì có thể trừ diệt rắn độc phiền não của tất cả chư Thiên, người đời và A-tu-la. Nếu những chúng sinh này trụ ở trong bóng mát của cây Phật đó thì những độc phiền não đều bị tiêu diệt hết. Này Đại Tiên! Người này nếu trong đời vị lai làm bậc Thiện Thệ thì chúng ta đều sẽ được diệt hết vô lượng phiền não thiêu đốt. Việc như vậy thật là khó tin. Vì sao? Vì vô lượng trăm ngàn những chúng sinh v.v... phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thấy chút duyên nhỏ đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên liền động chuyển. Như trăng trong nước, hễ nước động thì động theo, giống như vẽ tượng, khó thành mà dễ hư hoại, tâm Bồ-đề cũng như vậy, khó phát mà dễ hoại. Này Đại Tiên! Như có nhiều

người dùng áo giáp đồng, binh khí tự trang bị chắc chắn, muốn tiến tới trước thảo trừ giặc mà khi lâm trận sợ hãi liền thoái lui tan rã. Vô lượng chúng sinh cũng như vậy, phát tâm Bồ-đề, tự trang bị bền chắc, nhưng thấy tội lỗi sinh tử nên lòng sinh sợ hãi liền thoái lui. Nay Đại Tiên! Tôi thấy vô lượng chúng sinh như vậy, sau khi phát tâm Bồ-đề đều sinh ra chuyển động. Vậy nên tôi nay tuy thấy người này tu khổ hạnh, không nã, không nhiệt, trụ ở hiểm đạo, hạnh người ấy thanh tịnh nhưng chưa có thể tin. Tôi nay cần phải tự đến đó thử thách để biết người ấy thật có thể đủ sức gánh vác gánh rất nặng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không. Nay Đại Tiên! Giống như xe có hai bánh thì có thể sử dụng chuyên chở, con chim có hai cánh thì đủ sức bay đi, người khổ hạnh này cũng như vậy, tôi tuy thấy người ấy kiên trì giới cấm, nhưng chưa biết người ấy có thâm trí không. Nếu có thâm trí thì sẽ biết người ấy có thể đủ sức gánh vác gánh nặng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thưa Đại Tiên! Ví như cá mẹ có nhiều trứng cá nhưng thành tựu cá con thì ít. Như hoa của cây Am-la thì nhiều mà thành trái thì ít. Chúng sinh phát tâm có đến vô lượng và số thành tựu thì ít, chẳng đáng kể. Nay Đại Tiên! Tôi cùng ông đều đến thử thách ông ấy. Ví như vàng ròng, sau ba lần thử rồi mới biết vàng ấy chân thật, đó là đốt, đập, mài. Thử thách người khổ hạnh kia thì cũng phải như vậy”.

Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân tự biến thân mình làm hình dáng La-sát, thân hình rất đáng sợ, xuống đến núi Tuyết, cách người tu ấy chẳng xa liền đứng lại. Lúc đó, La-sát lòng không chút sợ hãi, mạnh mẽ khó đương, biện tài thứ lớp, tiếng rất thanh nhã tuyên nói nửa bài kệ mà Phật ở đời quá khứ đã nói:

*Các hành vô thường*

*Là pháp sinh diệt...*

Nói nửa bài kệ này rồi, La-sát liền đứng trước người tu hành ấy, thị hiện hình mạo rất đáng kinh sợ, quay đầu liếc khắp, nhìn xem bốn phương. Người khổ hạnh này nghe nửa bài kệ đó, lòng sinh vui mừng. Ví như khách buồn ở chỗ hiểm nạn, đi đêm lạc bạn, sợ hãi tìm kiếm, gặp lại được bạn đồng hành mà lòng sinh vui mừng, nhảy nhót



không lường. Cũng như người bệnh đã lâu mà chưa gặp lương y xem bệnh, cho thuốc tốt, về sau bỗng nhiên gặp được, như người chìm trong biển bỗng gặp thuyền bè, như người khát gặp nước trong mát, như người bị kẻ oán truy đuổi bỗng nhiên được giải thoát, như người bị trói buộc lâu bỗng nghe được thả ra, như người nông phu đang bị hạn hán mà gặp được mưa, như người đi xa trở về người nhà thấy rồi rất hoan hỷ. Nay thiện nam! Bấy giờ ta nghe nửa câu kệ này rồi trong lòng vui mừng cũng như vậy, liền đứng dậy dùng tay vén tóc, quay nhìn bốn phương và nói: “Vừa rồi tôi nghe kệ. Vị nào nói lời kệ ấy?”. Bấy giờ, ta cũng chẳng thấy còn ai khác, chỉ thấy La-sát, liền nói: “Ai mở cánh cửa giải thoát như vậy? Ai có thể nổi sấm âm thanh của chư Phật? Ai ở trong giấc ngủ sinh tử mà một mình tỉnh thức xướng lên lời như vậy? Ai có thể ở đây hiển thị dẫn dắt chúng sinh đói khát sinh tử đạo vị vô thượng? Vô lượng chúng sinh chìm trong biển sinh tử mà ai có thể ở trong đó làm bậc đại thuyền sư? Những chúng sinh này thường bị sự ràng buộc của bệnh nặng phiền não mà ai có thể ở trong đó làm lương y? Người nói nửa bài kệ này đã khai ngộ lòng ta giống như nửa vầng trăng, như hoa sen dần nở”. Nay thiện nam! Lúc ấy, ta lại không thấy gì, chỉ thấy có La-sát, lại nghĩ: “Phải chăng là La-sát nói kệ này?”. Ta lại sinh nghi hoặc: “Chẳng phải là La-sát ấy nói đâu. Vì sao? Vì người này hình dung rất đáng kính sợ. Nếu có người được nghe câu kệ này thì tất cả sự xấu xí kinh tởm liền trừ hết mà sao người này có hình mạo như vậy lại có thể nói bài kệ này. Chẳng lẽ ở trong lửa mọc ra hoa sen, chẳng lẽ trong ánh sáng mặt trời sinh ra nước lạnh?”. Nay thiện nam! Lúc này, ta lại nghĩ: “Ta nay vô trí, La-sát này hoặc có thể được gặp chư Phật ở quá khứ và từ chỗ chư Phật nghe được nửa bài kệ này. Ta nay phải hỏi”. Ta liền đến trước chỗ La-sát đó mà nói như vậy: “Hay thay! Thưa Đại sĩ! Ở đâu mà ông được nửa bài kệ của bậc Ly Bố Úy đời quá khứ đã nói? Thưa Đại sĩ! Ở đâu mà ông lại được nửa viên ngọc Như ý như vậy? Thưa Đại sĩ! Nghĩa của nửa câu kệ này là chánh đạo của chư Phật Thế Tôn quá khứ, hiện tại và vị lai. Tất cả vô lượng chúng sinh trong thế gian thường bị sự che phủ của màn lưới các kiến, trọn đời ở trong pháp ngoại đạo, ban đầu

chẳng được nghe lời nói “nghĩa không” mà đấng Thế Hùng Thập Lực xuất thế đã nói như vậy”. Nay thiện nam! Ta hỏi rồi thì La-sát liền đáp: “Này đại Bà-la-môn! Ông nay chẳng nên hỏi ta ý nghĩa đó. Vì sao? Vì ta chẳng ăn đến nay đã trải qua nhiều ngày, tìm kiếm khắp nơi mà chẳng thể được, đói khát khổ não, lòng rối loạn, nói xằng bậy, chẳng phải là sự hiểu biết của bản thân ta. Ta nay, sức có thể bay đi trong hư không để đến cõi Uất-đan-việt cho đến lên cõi trời. Nhưng ở khắp nơi tìm thức ăn cũng chẳng thể được. Do vậy nên ta nói lời nói đó”. Ta liền nói với La-sát: “Này Đại sĩ! Nếu ông có thể vì tôi nói hết bài kệ này thì tôi sẽ trọn đời làm đệ tử của ông. Thưa Đại sĩ! Lời kệ ông vừa nói danh tự chẳng trọn, ý nghĩa cũng chẳng hết. Vì nhân duyên gì mà chẳng muốn nói? Phạm bố thí của cải thì có sự cạn kiệt, còn nhân duyên về pháp thí thì chẳng thể hết. Pháp thí vô tận đem nhiều lợi ích. Tôi nay nghe nửa bài kệ này rồi, lòng sinh nghi. Xin ông nay có thể vì tôi mà nói trọn bài kệ này để đoạn trừ mối nghi. Tôi sẽ trọn đời làm đệ tử của ông”. La-sát đáp: “Trí của ông lớn quá chỉ tự lo cho thân mà quên chẳng thấy và nghĩ đến tôi đang bị sự bức bách của đói khổ, thật chẳng thể nói được”. Ta liền hỏi: “Thức ăn của ông là những vật gì?”. La-sát đáp: “Ông đừng hỏi nữa, nếu tôi nói thì khiến cho nhiều người sợ”. Ta lại hỏi: “Trong này tôi ở một mình không có ai khác, mà tôi thì chẳng sợ, vì sao ông chẳng nói?”. La-sát đáp: “Thức ăn của tôi chỉ là thịt người còn nóng, thức uống là máu người còn nóng. Tự ta bạc phước chỉ ăn thứ này mà khốn đốn tìm kiếm cùng khắp chẳng thể được. Đời tuy có nhiều người nhưng họ đều có phước đức, lại thêm được chư Thiên hộ trì, mà tôi không có sức nên chẳng thể giết được”. Nay thiện nam! Ta lại nói: “Ông nói đầy đủ nửa còn lại của bài kệ này, tôi nghe kệ rồi sẽ đem thân này dâng lên cúng dường ông. Thưa Đại sĩ! Giả sử tôi mạng chung thì tám thân này không dùng vào việc gì được mà sẽ bị sự ăn nuốt của cọp, sói, cú vọ, điều hâu v.v... mà chẳng được một chút phước đức. Tôi nay vì cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, bỏ thân chẳng bền chắc để đổi thân bền chắc”. La-sát đáp: “Ai sẽ tin lời nói như vậy của ông. Vì tám chữ mà bỏ thân yêu thích”. Ta liền đáp: “Ông quả thật là không trí. Ví như có người cho

người khác đồ sành mà được đồ bằng bảy báu, tôi cũng như vậy, bỏ thân chẳng bền chắc mà được thân kim cương. Ông nói rằng, ai sẽ tin thì tôi nay đã có chứng. Vua trời Đại Phạm, Thích-đề-hoàn-nhân và vua bốn cõi trời có thể chứng việc này. Lại có những Bồ-tát thiên nhân vì muốn tạo lợi ích cho vô lượng chúng sinh nên tu hành Đại Thừa đủ sáu độ, cũng có thể chứng biết. Lại có chư Phật Thế Tôn trong mười phương làm lợi ích cho chúng sinh cũng có thể chứng cho tôi vì tám chữ nên bỏ thân mạng này”. La-sát lại nói: “Nếu ông có thể xả thân như vậy thì hãy lắng nghe, lắng nghe, tôi sẽ vì ông nói nửa bài kệ còn lại ấy”. Nay thiện nam! Ta vào lúc ấy nghe lời nói này rồi trong lòng vui mừng, liền cởi tấm da nai mặc trên thân mình, vì La-sát này trải làm pháp tòa mà bạch: “Thưa Hòa thượng! Mời Hòa thượng ngồi nơi tòa này”. Ta liền vòng tay quỳ gối thưa: “Ông khéo vì tôi nói nửa bài kệ còn lại ấy cho được đầy đủ”. La-sát liền nói:

*... Sinh diệt diệt rồi*

*Tịch diệt là vui.*

Bấy giờ La-sát nói kệ này xong, lại nói: “Này Đại Bồ-tát! Ông nay đã nghe đầy đủ nghĩa bài kệ. Sở nguyện của ông đã được thỏa mãn, chắc chắn muốn tạo lợi ích cho chúng sinh thì hãy bố thí thân cho ta đi”. Nay thiện nam! Ta vào lúc ấy, nghĩ sâu ý nghĩa này, rồi sau đó ghi chép bài kệ này vào khắp nơi, hoặc trên đá, hoặc trên vách, hoặc trên cây, hoặc trên đường. Ta liền buộc lại quần áo đang mặc vì sợ sau khi chết, thân thể bị lộ diện, rồi leo lên cây cao. Bấy giờ, thần cây lại hỏi ta: “Hay thay! Ông muốn làm việc gì?”. Nay thiện nam! Ta liền đáp: “Tôi muốn xả thân để báo đền giá trị bài kệ”. Thần cây hỏi: “Bài kệ đó có lợi ích gì?”. Ta đáp: “Bài kệ như vậy là lời khai thị đạo pháp không của chư Phật đời quá khứ, hiện tại và vị lai. Ta vì pháp này mà xả bỏ thân mạng. Ta chẳng vì lợi dưỡng, tiếng tăm, của báu, Chuyển luân Thánh vương, Tứ Đại Thiên Vương, Thích-đề-hoàn-nhân, Đại Phạm Thiên Vương, niềm vui trong trời, người, mà vì muốn tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh nên xả thân này”. Nay thiện nam! Khi ta xả thân này, lại nói: “Nguyện cho tất

cả người tham lam keo kiệt đều đến chứng kiến ta lia bỏ thân này. Nếu có người bố thí ít, khởi cao ngạo thì cũng khiến cho được thấy ta xả thân mạng này vì một bài kệ như bỏ cỏ cây”. Vào lúc ấy, ta nói lời này xong, liền buông mình gieo xuống đất. Khi rơi xuống chưa đến đất thì trong hư không phát ra đủ thứ âm thanh. Những âm thanh ấy vang đến tận trời Sắc Cứu Cánh. Bảy giờ, La-sát hiện lại thân hình Đế Thích, liền ở trong hư không hứng lấy thân ta, đặt xuống đất bằng. Khi ấy, Thích-đề-hoàn-nhân và những hàng trời, người, Đại Phạm Thiên Vương cúi đầu đánh lễ ở dưới chân ta và khen: “Hay thay! Hay thay! Chân thật là Bồ-tát, có thể đem lợi ích lớn cho vô lượng chúng sinh, muốn ở trong vô minh đen tối thấp ngọn đước đại pháp. Ta do ưa thích đại pháp của Như Lai nên nhiều hại Ngài. Nguyên xin cho ta sám hối tội lỗi. Ngài vào đời vị lai nhất định thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nguyên xin được tế độ”. Bảy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân và các thiên chúng đánh lễ dưới chân ta. Đến đây, họ giả từ ra đi, bỗng nhiên biến mất. Đây thiện nam! Như ta thuở xưa vì nửa bài kệ nên xả bỏ thân này. Do nhân duyên đó nên liền được vượt qua đủ mười hai kiếp, rồi thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác trước Di-lặc. Đây thiện nam! Ta được vô lượng công đức như vậy là đều do cúng dường chánh pháp của Như Lai. Đây thiện nam! Ông nay cũng vậy, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì đã vượt lên trên vô lượng vô biên Bồ-tát nhiều như cát sông Hằng. Đây thiện nam! Đó gọi là Bồ-tát trụ ở Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa tu hành Thánh hạnh.

